

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 351/2025/HC-PT
Ngày 23/5/2025
V/v Khiếu kiện hành vi hành chính
về quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Bùi Anh Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Liên - Thư ký viên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 157/2025/TLPT-HC ngày 05/02/2025 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4863/2025/QĐ-PT ngày 08/5/2025 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đắc M, sinh năm 1945; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh H; địa chỉ: Số 22 B, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt người đại diện.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Trần Văn T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- **Người khởi kiện trình bày:** Bố mẹ đẻ của bà Ng có một mảnh đất thổ cư với diện tích 288m² do các cụ để lại tại thôn Q, bên bờ sông C (phía Đông giáp vườn ông S và ngõ hai gia đình ông B, bà Q; phía Tây giáp vườn bà Q; phía Bắc giáp đê 493; phía Nam giáp vườn bà Q). Năm 1960, Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Q cùng với Thủy nông huyện D (nay là Xí nghiệp Thủy nông thị xã D) đến vận động gia đình bà để làm bể xả nước ra sông C; đồng thời, giao cho gia đình bà 288m² ở khu bãi cát tạm thời để canh tác. Sau khi điều chỉnh đất phân trăm vào năm 1988, ông Phạm Thanh T là Đội trưởng sản xuất xóm T thu lại 288m² đất tại cánh bãi cát nhà bà đang canh tác để cấp cho người khác. Bà đã đề nghị nhiều lần nhưng UBND xã L (nay là phường L) và anh T không trả lại cho gia đình bà. Sau một thời gian, bà Ng về thấy trạm bơm ngừng không hoạt động nhưng Hợp tác xã Nông nghiệp và Thủy nông không thông báo cho bà biết vì bà ở xa. Ngày 01/9/2003, bà Ng tiếp tục làm đơn đề nghị cơ quan chức năng của phường L trả lại đất thổ cư cho gia đình bà (đơn có xác nhận của ông Phạm Đắc M, ông Lưu Phú Y, ông H là những cán bộ Hợp tác xã và Thủy nông D thời kỳ trước xác nhận). Sau đó, bà liên tục có đơn đề nghị cấp có thẩm quyền trả lại 288m² đất thổ cư của gia đình tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam nhưng không được giải quyết. Ngoài ra, bà Ng cung cấp một số người sinh sống quanh khu vực đất của bà D biết, xác nhận có sự việc cho mượn đất; cung cấp trường hợp ông Lưu Danh C, sinh năm 1944; địa chỉ: Xóm 5, số nhà 26, tiểu khu X, thị trấn N, tỉnh Sơn La là con nuôi bà Q (bác ruột bà Ng) thời điểm năm 1960 bà Q cũng cho Trạm bơm mượn đất để làm bể xả thoát nước, bà Ng báo cho ông C về xin lại đất của bà Q đã được UBND thành phố P trả lại, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010, ông C đã bán cho người khác.

Ngày 17/3/2023, UBND thành phố P ban hành Thông báo số 138/TB-UBND ngày 17/3/2023 về việc trả lời đơn đề nghị của bà Phạm Thị Ng, thôn P, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Không nhất trí với Thông báo số 138/TB-UBND ngày 17/3/2023 nêu trên, bà Phạm Thị Ng khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh H đề nghị xem xét, giải quyết: (1) Hủy Thông báo số 138/TB-UBND ngày 17/3/2023 của UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam; (2) Buộc UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam trả lại cho gia đình bà 288m² đất thổ cư đã mượn của mẹ đẻ bà tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam từ năm 1960 để gia đình bà làm nơi thờ cúng.

- **Quan điểm của người bị kiện - UBND thành phố P, tỉnh H** tại Văn bản số 1291/UBND-TNMT ngày 09/7/2024: Đối với nội dung khởi kiện của bà Phạm Thị Ng đề nghị hoàn trả lại 288² đất thổ cư tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh H, ngày 17/02/2023, UBND thành phố P đã có Văn bản số 138/UBND-TNMT về việc trả lời đơn đề nghị của bà Phạm Thị Ng. Trong văn bản khẳng định: Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013, nội dung bà Phạm Thị Ng đề nghị là không có cơ sở để giải quyết. Tại Biên bản làm việc ngày 07/8/2024, UBND thành phố P, tỉnh H đã khẳng định không có căn cứ đề cấp trả lại cho hộ gia đình bà Phạm Thị Ng đối với diện tích 288m² đất ở nằm trong thửa đất số 127,

tờ bản đồ số 23 (bản đồ địa chính năm 2001) tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. UBND thành phố P đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng.

- ***Quan điểm của UBND phường L, thành phố P, tỉnh H:*** Đại diện UBND phường L cung cấp nguồn gốc, quá trình sử dụng và biến động của các thửa đất số 408, 409 tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính phường L lập năm 1985. UBND phường L đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng theo quy định của pháp luật.

- ***Quan điểm của ông Trần Văn T1:*** Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23 thuộc quyền sở hữu của bố đẻ ông (Ông Trần Quốc B, sinh năm 1928, mất năm 2014). Từ khi bố, mẹ đẻ của ông sinh sống trên thửa đất luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; đóng thuế đầy đủ hàng năm theo quy định. Năm 2006, hộ gia đình ông Trần Quốc B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 127 nêu trên. Sau khi bố mẹ của ông chết, các anh chị em đã thống nhất giao lại cho ông quản lý, sử dụng thửa đất. Ông T1 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 23/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; khoản 2 Điều 116; Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 358 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 99, 100, 101 Luật Đất đai 2013. Điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét, giải quyết: (1) Hủy Thông báo số 138/TB-UBND ngày 17/3/2023 của UBND thành phố P, tỉnh H; (2) Buộc UBND thành phố P, tỉnh H trả lại cho gia đình bà 288m² đất thổ cư đã mượn của mẹ đẻ bà tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam từ năm 1960 để gia đình bà làm nơi thờ cúng. Bác các yêu cầu khác của người khởi kiện.

2. Án phí: Bà Phạm Thị Ng được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về chi phí do đặc, thẩm định: Bà Phạm Thị Ng phải chịu chi phí do đặc, thẩm định; bà Ng đã nộp đủ trong quá trình chuẩn bị xét xử.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2024, người khởi kiện là bà Phạm Thị Ng có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND thành phố P, tỉnh H trả lại cho gia đình bà 288m² đất thổ cư đã mượn của mẹ đẻ bà tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị Ng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và những nội dung đã trình bày trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án. Người được bà Ng ủy quyền là ông Phạm Đắc M cũng xác định lại việc yêu cầu buộc UBND thành phố P, tỉnh H phải trả lại cho gia đình bà Ng 288m² đất thổ cư đã mượn của mẹ bà. Theo ông M thì bản đồ địa chính năm 1962 có ghi tên cụ D (là mẹ của bà Ng); việc gia đình bà Ng cho mượn đất làm của xả trạm bơm được những người sống liền kề với thửa đất của mẹ bà Ng xác nhận; Ông Phạm Thanh T (Đội trưởng đội sản xuất xóm T) là người thu lại 288 m² đất bãi mà gia đình bà Ng được giao để canh tác tạm thời sau khi cho mượn đất làm trạm bơm, nhưng chưa cấp lại đất cho gia đình bà Ng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Về tố tụng, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung, không có tài liệu nào thể hiện việc gia đình bà Ng đã cho Hợp tác xã mượn đất làm của xả trạm bơm; không có tài liệu nào thể hiện thửa đất bà Ng yêu cầu UBND thành phố P, tỉnh H trả lại cho gia đình bà là của cụ D (mẹ của bà Ng). Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Thị Ng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị Ng có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng quy định tại các điều 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tuy nhiên, phiên tòa đã được triệu tập nhiều lần, các đương sự vắng mặt không có kháng cáo và đã được triệu tập, hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền: Ngày 28/9/2023, bà Phạm Thị Ng khiếu kiện đề nghị hủy Thông báo số 138/TB-UBND ngày 17/3/2023 của UBND thành phố P, tỉnh H; đề nghị buộc UBND thành phố P, tỉnh H trả lại cho gia đình bà 288 m² đất thổ cư đã mượn của mẹ bà tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam từ năm 1960 để gia đình bà làm nơi thờ cúng. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xác định Thông báo 138/TB-UBND và việc cấp trả 288 m² đất nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; việc khởi kiện bảo đảm yêu cầu về thời hiệu và thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng, thấy rằng: Tại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, bà Phạm Thị Ng đề nghị UBND thành

phố P, tỉnh H cấp trả lại cho gia đình bà diện tích 288m² đất thổ cư tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trên cơ sở biên bản làm việc ngày 04/6/2024 tại trụ sở UBND phường L và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/7/2024 tại trụ sở TAND tỉnh Hà Nam, bà Phạm Thị Ng khẳng định thừa đất bà đề nghị UBND thành phố P cấp trả nằm trong thửa đất số 408 và 409, tờ bản đồ PL07 với tổng diện tích 295m² đất ở, ghi tên B và Q (Bản đồ địa chính của phường L lập năm 1985). Năm 2006, UBND thị xã P (nay là thành phố P) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Quốc B với tổng diện tích 336m² (gồm: 295m² đất ở và 41m² đất vườn), thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính của phường L lập năm 2001. Hiện theo bản đồ địa chính năm 2001, chỉnh lý năm 2024, thửa đất nêu trên đứng tên ông Trần Văn T1.

[5] Về nguồn gốc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính của UBND phường L lập năm 2001 tại tổ dân phố Q, theo bản đồ địa chính của UBND phường L lập năm 1985 và sổ mục kê, thửa đất số 127 là thửa đất số 408, tờ bản đồ số 7 với diện tích 157m² đất ở của hộ ông Trần Quốc B và thửa đất số 409, tờ bản đồ số 7 với diện tích 138m² đất ở của hộ bà Q (ông B nhận chuyển nhượng thửa đất số 409 của hộ bà Q). Thực hiện Kế hoạch 566 của UBND tỉnh H, hộ ông Trần Quốc B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23 với tổng diện tích là 336m² (gồm 295m² đất ở và 41m² đất vườn).

[6] Tại đơn khởi kiện và tại Biên bản ngày 12/7/2024, bà Phạm Thị Ng khai trên bản đồ xanh năm 1978 có thửa đất ghi tên bà D; năm 1960, gia đình bà cho Hợp tác xã L và Thuỷ nông D mượn thửa đất tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P với diện tích 288m² để làm cửa xả Trạm Bơm. Tuy nhiên, ngày 17/9/2024, Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam đã làm việc với đại diện UBND phường L, Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp phường L và Xí nghiệp Thuỷ nông thị xã D đề nghị cung cấp thông tin và các tài liệu liên quan đến Trạm Bơm tại tổ dân phố Q, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đại diện các đơn vị đều trả lời không có các tài liệu liên quan đến Trạm Bơm để cung cấp cho Toà án.

[7] Bên cạnh đó, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập trích lục bản đồ địa chính được lập trước năm 1985 tại phường L đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính phường L lập năm 2001 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H. Ngày 21/8/2024, Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H trả lời đơn vị không lưu trữ bản đồ địa chính của phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam được lập trước năm 1985 đối với thửa đất nêu trên. Theo UBND phường L cung cấp hồ sơ địa chính gồm sổ mục kê, bản đồ xã L lập năm 1986, vị trí bà Ng đề nghị tại tờ bản đồ số 7 thuộc cửa xả trạm bơm, không có số thửa và không ghi tên chủ sử dụng đất là bà D; sổ chia ruộng qua các thời kỳ của tổ dân phố cũng không có tên bà D được giao tạm thời 288m² đất bãi.

[8] Bà Phạm Thị Ng khởi kiện đề nghị buộc UBND thành phố P cấp trả lại 288m² đất ở tại tổ dân phố Q, phường L (theo bà Ng xác định diện tích đất nêu trên nằm trong thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính của phường L lập năm 2001 đã cấp cho hộ gia đình ông Trần Văn T1) nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ có giá trị chứng minh có liên quan đến diện tích đất nêu

trên. Ngày 17/3/2023, UBND thành phố P đã ban hành Thông báo số 138/TB-UBND trả lời nội dung đề nghị của bà Phạm Thị Ng không có cơ sở để giải quyết. Ngày 07/8/2024, tại buổi làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, đại diện UBND thành phố P khẳng định không có căn cứ để cấp trả lại cho hộ gia đình bà Phạm Thị Ng diện tích 288 m² đất ở nằm trong thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23.

[9] Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Ng; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[10] Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Phạm Thị Ng là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Phạm Thị Ng; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị Ng được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HCTP.TANDCC Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thành Quang